

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Q  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 111/2023/HNGĐ-ST;  
Ngày: 27/6/2023.  
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Thu Thủy**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Lê Thị Thu Yến**.

2/ Bà **Cao Thị Loan**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Phan Thị Kim N1**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa:** Bà **Ngô Thị Cẩm Thuý** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXX-ST ngày 19/5/2023 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* **Anh Võ Hồng L** - sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Số 501A ấp H, xã M, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

\* *Bị đơn* **Chị Nguyễn Thị Ngọc N** - sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Số 501A ấp H, xã M, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Võ Hồng L trình bày: Anh và chị N sống chung vào năm 2005, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5 vào ngày 28/9/2005. Cuộc sống chung của vợ chồng anh rất hạnh P nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống chung, thường xuyên cự cãi. Anh chị đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có hai con chung tên Võ Hồng P, sinh ngày 20/11/2006 và Võ Hồng Kim N1, sinh ngày 17/01/2017. Hiện hai cháu đang sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

\* Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh L.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là có thật nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L. Về con chung, đề nghị Tòa án chấp nhận theo yêu cầu nuôi con chung của anh L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với N, giải quyết vấn đề con chung của anh chị. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đang cư trú tại ấp Phước Thuận, xã M, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt; chị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó căn cứ Điều 228 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn anh L, Tòa xét thấy: Anh L trình bày năm 2022, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ, thường xuyên cự cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh P. Anh chị đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập chị N nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng chị N vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của anh L. Qua đó cho thấy chị N không có thành ý cứu vãn mối quan hệ hôn nhân với anh L. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của anh L, cho anh L được ly hôn với chị N.

[5] Về con chung: Xét thấy cháu Võ Hồng P và cháu Võ Hồng Kim N1 đang sống ổn định với anh L. Do đó yêu cầu nuôi hai con chung của anh L là có cơ sở và phù hợp với nguyện vọng của cháu Võ Hồng P nên Toà án chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L khai không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Anh L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm xét thấy phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các điều 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Hồng L.

Về tình cảm: Anh Võ Hồng L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc N.

Về con chung: Giao cháu Võ Hồng P, sinh ngày 20/11/2006 và cháu Võ Hồng Kim N1, sinh ngày 17/01/2017 cho anh Võ Hồng L được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Ngọc N được quyền thăm nom hai con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

2. Án phí:

Anh Võ Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0023642 ngày 30/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).

(Đã ký)

**Cao Thị Thu Thủy**